

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC BÌNH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 06-9-2023  
V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH-TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Quốc Tuấn.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Bích Lệ
2. Bà Nguyễn Thị Yến Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Hoàng Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Khánh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị A, sinh năm 1994 (Có mặt)

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn B, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Z, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị A và anh Lê Văn B sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Bắc Bình.

Chị Lê Thị A và anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2020,

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, chị Lê Thị A và anh Lê Văn B đã sống ly thân. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị A yêu cầu tòa án giải quyết cho chị Lê Thị A được ly hôn với anh Lê Văn B.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị C, sinh ngày 12/11/2013; Lê Anh D, sinh ngày 27/5/2017. Các con đang ở với anh Lê Văn B. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị A giao các con cho anh Lê Văn B tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lê Thị A đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình nhiều lần triệu tập anh Lê Văn B đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng anh Lê Văn B không đến làm việc.*

Ngày 01/8/2023, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Y, Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã làm việc với anh Lê Văn B nhưng anh Tới từ chối ký vào biên bản nhưng có chính quyền địa phương chứng kiến, anh Tới có ý kiến như sau:

1. Về hôn nhân: Anh Lê Văn Tới đồng ý ly hôn với chị Lê Thị A.

2. Về nuôi con chung: Anh Lê Văn B đồng ý nuôi các con Lê Thị C, sinh ngày 12/11/2013 và Lê Anh D, sinh ngày 27/5/2017 và chấp nhận cho chị Lê Thị A cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/con) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến đối với vụ án:*

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bị đơn vắng mặt không có lý do vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị A được ly hôn anh Lê Văn Tới.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị C, sinh ngày 12/11/2013 và Lê Anh D, sinh ngày 27/5/2017 cho anh Lê Văn B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị A được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho chung. Chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/02 con.

Tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

**[1]** Về thẩm quyền: Chị Lê Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Lê Văn B căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

**[2]** Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tới là phù hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[3]** Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị A và anh Lê Văn Tới kết hôn trên cơ sở tự nguyện và vào ngày 09/6/2014, chị Lê Thị A và anh Lê Văn T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y; do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị A và anh Lê Văn B là hôn nhân hợp pháp, vì vậy, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực tế, chị Lê Thị A và anh Lê Văn B xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hiện nay chị Lê Thị A và anh Lê Văn B đã sống ly thân. Chị Lê Thị A và anh Lê Văn B đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, ai muốn sống ra sao thì sống. Chị Lê Thị A và anh Lê Văn B đã không còn tình nghĩa vợ chồng. Do tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị A.

**[4]** Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị C, sinh ngày 12/11/2013; Lê Anh D, sinh ngày 27/5/2017. Các cháu đang ở với anh Lê Văn T và đang được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt nên tiếp tục giao con cho anh Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Lê Thị A đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/con) cho đến khi các con đủ 18 tuổi nên chấp nhận.

**[5]** Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

**[6]** Về án phí: Chị Lê Thị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[7]** Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

**[8]** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị A ly hôn với anh Lê Văn B.

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 con chung tên Lê Thị C, sinh ngày 12/11/2013 và Lê Anh D, sinh ngày 27/5/2017 cho anh Lê Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Lê Thị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung Lê Thị C, sinh ngày 12/11/2013 và Lê Anh D, sinh ngày 27/5/2017 mỗi tháng là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/con) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị A được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị A phải nộp 600.000 đồng án phí (Gồm: 300.000 đồng án phí về ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002869 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Chị Lê Thị A còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

*Về quyền kháng cáo bản án:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Trương hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
  - VKSND huyện B.Bình;
  - THADS huyện B.Bình;
  - UBND xã Bình An
- (CNKH số 24, ngày 09/6/2014)
- Dương sự;
  - Lưu Hồ sơ vụ án, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Quốc Tuấn**